

Số: 86 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2023

### KẾT LUẬN THANH TRA

**Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Ban quản lý dự án Lưới điện phân phối Thành phố Hồ Chí Minh**

Thực hiện Quyết định số 186/QĐ-TTr ngày 31/3/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp, ngày 13/4/2023, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra tại Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Ban quản lý dự án Lưới điện phân phối Thành phố Hồ Chí Minh; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/5/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

#### I. Những vấn đề chung

- Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Ban quản lý dự án lưới điện phân phối Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là chi nhánh).

- Loại hình doanh nghiệp: chi nhánh của công ty TNHH một thành viên.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300951119-026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/9/2022 (đăng ký thay đổi lần thứ 2).

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: quản lý, giám sát thi công các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp lưới điện đến cấp điện áp 22kV.

- Điện thoại giao dịch: 02862875387.

- Trụ sở chính của chi nhánh: lầu 7, 8, 9 số 01 đường Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số tài khoản giao dịch:

+ Tài khoản số 100000786868 tại Ngân hàng TMCP Quốc dân, chi nhánh Sài Gòn.

+ Tài khoản số 60170406119666 tại Ngân hàng Quốc tế, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, 05 phòng nghiệp vụ (Tổ chức hành chính, Tài chính kế toán, Kế hoạch và vật tư, Kỹ thuật, Giám sát xây dựng), 05 phòng điều hành dự án.

- Đã thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.





- Tổng số người làm việc tại chi nhánh: 85 người.
- Tình hình sản xuất kinh doanh:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	34.185,77	34.185,77	33.565,21	33.565,20	35.068,26	
2	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	5.907,00	4.942,85	5.434,63	5.367,13	6.028,00	
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	Xác định kết quả lợi nhuận tại Tổng Công ty					
4	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tr.đồng						
5	Hệ số bảo toàn phát triển vốn							
6	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước (chi nhánh hoạch toán báo số liệu về Tổng công ty)	Tr.đồng		1.755,71		1.872,78		

## II. Kết quả kiểm tra, xác minh

### 1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước.

- Đã báo cáo định kỳ hàng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước. Tuy nhiên, chi nhánh chưa mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động.

### 2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Hình thức và phương thức tuyển dụng lao động: trên cơ sở nhu cầu lao động hàng năm, chi nhánh xây dựng kế hoạch lao động. Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Tổng công ty) xét duyệt, tổ chức tuyển dụng, phân bổ lao động giao chi nhánh tiếp nhận thủ việc, ký hợp đồng lao động với người lao động.

+ Năm 2021: chi nhánh tiếp nhận 03 lao động tuyển dụng mới.

+ Năm 2022: chi nhánh tiếp nhận 07 lao động tuyển dụng mới.

- Chi nhánh đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hàng năm trình Tổng công ty phê duyệt. Ngoài việc cử người tham dự đào tạo do Tổng công ty thực hiện, chi nhánh tổ chức 12 lớp đào tạo, bồi dưỡng:



+ Năm 2021: thực hiện 07 lớp đào tạo, bồi dưỡng.

+ Năm 2022: thực hiện 05 lớp đào tạo, bồi dưỡng.

- Các quy định (hoặc phân cấp) về ký kết hợp đồng lao động: Tổng Giám đốc Tổng công ty ủy quyền Giám đốc chi nhánh ký kết hợp đồng lao động với người lao động làm việc tại chi nhánh.

### **3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)**

- Số người không thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động: 85 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 85 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 72 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 13 người.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Kiểm tra các hợp đồng lao động (Nguyễn Khánh Vy, Hoàng Vĩnh Nam) nội dung của hợp đồng ghi chưa cụ thể: mục địa điểm làm việc ghi “các địa điểm khác theo yêu cầu của Ban quản lý dự án lưới điện phân phối Thành phố Hồ Chí Minh”, mục thời giờ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực TPHCM”, mục trang bị bảo hộ lao động ghi “người lao động được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ EVN/EVNHCMM”.

- Số lao động bị mất việc làm từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra: 0 người.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra: 02 người đều đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc, chi nhánh đã trả đủ tiền trợ cấp thôi việc cho 02 người lao động với số tiền là 117.560.625 đồng.

### **4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)**

- Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc 01 lần/năm.

- Việc thương lượng, ký kết TULĐTT: không phát sinh.

- Đã thực hiện theo đúng các nội dung của TULĐTT của Tổng công ty.

- Việc gửi TULĐTT đã ký kết đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương: Tổng công ty đã thực hiện.



- Chi nhánh thực hiện quy chế dân chủ do Tổng công ty ban hành.

## 5. Tiền lương và trả công lao động

### 5.1. Tiền lương và thu nhập của người lao động

#### 5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Chi nhánh thực hiện theo hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của Tổng công ty.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương

Nội dung	Năm 2021		Năm 2022	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động quản lý (Ban giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng, phó phòng chi nhánh)	25	1,408	25	1,408
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	82	4,107	83	4,183
Công nhân trực tiếp SXKD	0	0	0	0
<b>Tổng số</b>	<b>82</b>	<b>4,107</b>	<b>83</b>	<b>4,183</b>

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ)

Các loại phụ cấp	Năm 2021		Năm 2022	
	Số người	HSPCLBQ	Số người	HSPCLBQ
Chức vụ	21	0,113	20	0,107
Trách nhiệm	01	0,001	01	0,001
Phụ cấp chuyên gia	0	0	01	0,006
<b>Bình quân chung</b>	<b>82</b>	<b>0.114</b>	<b>83</b>	<b>0.114</b>

#### 5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty nên không phải xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch, thực hiện đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Quỹ tiền lương của người lao động Chi nhánh thuộc quỹ tiền lương của Tổng công ty, việc xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện hàng năm do Tổng công ty quyết định.

- Theo Quyết định số 33/QĐ-HĐTV ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tổng công ty, quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của Ban Quản lý dự án lưới điện phân phối Thành phố Hồ Chí Minh là 28.197 triệu đồng (trong đó, quỹ tiền lương từ hoạt động quản lý dự án là 22.116 triệu đồng và quỹ tiền lương từ hoạt động khác thực hiện là 6.081 triệu đồng).

- Việc xây dựng quy chế trả lương và quy chế thưởng: Chi nhánh áp dụng các quy chế do Tổng công ty xây dựng và ban hành, cụ thể:



+ Quy định quản lý và phân phối tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 02/3/2022 Hội đồng thành viên Tổng công ty.

+ Quy định quản lý, phân phối và sử dụng các quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-HĐTV ngày 20/9/2022 Hội đồng thành viên Tổng công ty.

#### 5.1.3. Việc thực hiện trả lương cho người lao động

- Chi nhánh trả lương cho người lao động theo thời gian (theo tháng).

- Hằng năm, sau khi được Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt, Tổng công ty đã phê duyệt quỹ tiền lương của chi nhánh để trả lương cho người lao động theo quy chế quản lý, phân phối và sử dụng các quỹ tại Quyết định số 90/QĐ-HĐTV ngày 20/9/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc theo quy định.

- Tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ, làm thêm vào ban đêm: không phát sinh.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

#### 5.1.4. Các khoản thu nhập

- Tiền ăn ca: chi nhánh chi tiền ăn ca cho người lao động với mức 730.000 đồng/người/tháng.

- Khen thưởng, phúc lợi: hằng năm, chi nhánh được Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi khen thưởng, phúc lợi cho người lao động theo quy định, số tiền đã chi khen thưởng, phúc lợi cho người lao động năm 2022 là 4.662 triệu đồng.

#### 5.1.5. Tiền lương và thu nhập bình quân chung tại chi nhánh

Đơn vị tính: triệu đồng/người/tháng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021			Năm 2022		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	50,2	28,916	18,026	47,938	27,560	14,897
2	Phụ cấp	1,325	0,302	0	1,325	0,302	0
3	Tiền thưởng	2,083	1,74	1,396	1,000	0,75	0,5
4	Tổng thu nhập	53,608	30,957	19,422	50,263	28,612	15,397

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý: Tổng công ty thực hiện, chi nhánh không có người quản lý.

5.3. Trách nhiệm của doanh nghiệp với vai trò là cơ quan đại diện chủ sở hữu: không phát sinh.



## 6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: không quá 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

- Thời giờ nghỉ ngơi: nghỉ giữa giờ làm việc đối với người làm việc theo ca ban ngày nghỉ 30 phút/ca, ca ban đêm nghỉ 45 phút/ca, nghỉ chuyển ca ít nhất 12 giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác; nghỉ hằng tuần đảm bảo ít nhất 04 ngày/tháng, ngày nghỉ hằng tuần của người lao động làm việc theo giờ hành chính là ngày chủ nhật, trường hợp người lao động hoàn thành khối lượng công việc được giao của 01 tuần trong 05 ngày thì được nghỉ ngày thứ bảy.

- Số giờ làm thêm hằng ngày, hằng tuần và hằng năm: số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, không quá 40 giờ trong 01 tháng và không quá 200 giờ trong 01 năm.

- Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương những ngày lễ, tết, ngày nghỉ việc riêng có hưởng lương theo quy định của pháp luật; được nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định, ngoài ra trong một số trường hợp cần thiết nếu có lý do chính đáng thì người lao động được giải quyết nghỉ không hưởng lương tối đa 30 ngày làm việc cộng dồn trong năm, trường hợp nghỉ ốm đau trong thời gian điều trị bệnh thì được giải quyết nghỉ tối đa 60 ngày làm việc cộng dồn trong năm (trừ trường hợp điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành).

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc bình thường là 12 ngày/năm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

## 7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Tổng Giám đốc Tổng công ty giao quyền cho Giám đốc chi nhánh xử lý kỷ luật đối với người lao động tại chi nhánh với tất cả hình thức xử lý kỷ luật lao động theo khoản 4, Điều 16 Nội quy lao động của Tổng công ty.

- Chi nhánh áp dụng Nội quy lao động của Tổng công ty ban hành, đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Trong thời kỳ thanh tra, chi nhánh không xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

## 8. Lao động đặc thù

### 8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 21 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày, không quá 03 ngày;



+ Trong thời gian nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi hoặc đang mang thai từ tháng thứ 7 trở đi được nghỉ mỗi ngày 120 phút trong thời gian làm việc; trường hợp lao động nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi sinh đôi trở lên thì mỗi ngày được nghỉ 150 phút trong thời gian làm việc.

+ Được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con 06 tháng, thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng; trường hợp sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con lao động nữ được nghỉ thêm 01 tháng.

+ Lao động nữ nghỉ thai sản theo chế độ thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xét các danh hiệu thi đua khác nếu có đủ các tiêu chuẩn khác theo quy định.

+ Đã bố trí buồng tắm và buồng vệ sinh tại nơi làm việc.

+ Được hỗ trợ chi phí gửi trẻ, mẫu giáo với định mức 200.000 đồng/tháng/cháu từ 06 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi.

### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên**

Chi nhánh không sử dụng lao động chưa thành niên.

### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

Chi nhánh không sử dụng lao động là người nước ngoài.

### **8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi**

Chi nhánh không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

## **9. Khiếu nại, tranh chấp lao động**

- Trong thời kỳ thanh tra, tại chi nhánh không có tranh chấp cá nhân và tập thể, không xảy ra đình công.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại chi nhánh không có khiếu nại về lao động.

## **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: chưa thống kê (chi nhánh có người làm giám sát thi công).

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm. Tuy nhiên, kế hoạch còn thiếu nội dung về biện pháp kỹ thuật an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ; biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động.

- Việc thành lập hội đồng an toàn, vệ sinh lao động: không phát sinh do chi nhánh không thuộc trường hợp bắt buộc phải thành lập.

- Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Đã bố trí 01 người có trình độ đại học khối ngành kỹ thuật làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách.



- Số người làm công tác y tế: 01 người có trình độ trung cấp.
- Chi nhánh không sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Đã áp dụng các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc do Tổng công ty ban hành.
- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động định kỳ hằng năm cho toàn bộ toàn bộ người lao động. Người lao động đã được cấp giấy chứng nhận huấn luyện (06 người). Hồ sơ huấn luyện tại chi nhánh không lưu chương trình huấn luyện chi tiết theo quy định.
- Phân loại để tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động chưa đúng nhóm theo quy định (03 giám sát thi công là đối tượng huấn luyện nhóm 3 nhưng tổ chức huấn luyện theo đối tượng nhóm 4).
- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định. Sổ theo dõi việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân có đầy đủ chữ ký xác nhận của người lao động.
- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại: không phát sinh.
- Số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.
- Đã quan trắc môi trường lao động hằng năm:
  - + Năm 2021: số mẫu đã đo 74, số mẫu đạt tiêu chuẩn 74.
  - + Năm 2022: số mẫu đã đo 84, số mẫu đạt tiêu chuẩn 84.
- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho toàn bộ người lao động; đã khám sức chuyên khoa cho lao động nữ.
- Việc khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động: không phát sinh.
- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe người lao động theo quy định.

**11. Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN)**

- Số người thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 85 người.
- Số người đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 85 người.
- Số người chưa tham gia tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN: 0 người.
- Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể trả hàng tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 89 Luật BHXH.



- Số tiền phải nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội hàng tháng là 311.419.427 đồng; đã đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN đến hết tháng 3/2023.

### **III. Kết luận**

#### **1. Những quy định của pháp luật đã được chi nhánh thực hiện**

1.1. Đã báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và hằng năm về tình hình thay đổi lao động; báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã tiếp nhận người lao động do Tổng công ty tuyển dụng theo quy chế.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động và thực hiện đào tạo theo kế hoạch.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.5. Đã trả đủ trợ cấp thôi việc cho 02 lao động đủ điều kiện hưởng với tổng số tiền là 117.560.625 đồng.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc 01 lần/năm.

1.7. Đã áp dụng thang lương, bảng lương và định mức lao động của Tổng công ty; áp dụng quy định quản lý và phân phối tiền lương do Tổng công ty ban hành và thực hiện phân phối tiền lương cho người lao động theo quy chế.

1.8. Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động khi thôi việc; hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 730.000 đồng/người/tháng.

1.9. Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần không vượt quá thời gian quy định; tổ chức làm thêm giờ đảm bảo không vượt quá 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm.

1.10. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương và ngày nghỉ hằng năm theo quy định.

1.11. Đã áp dụng nội quy lao động do Tổng công ty ban hành.

1.12. Đã thực hiện các quy định đối với lao động nữ: giảm thời giờ làm việc đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh; đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm, buồng vệ sinh và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi sinh; đã giúp đỡ, hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

1.13. Đã thực hiện các quy định về an toàn vệ sinh lao động: thống kê lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm; xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động; thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; bố trí người làm công tác an toàn lao động, công tác y tế; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị; huấn



luyện an toàn, vệ sinh lao động; quan trắc môi trường lao động; khám sức khỏe định kỳ; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.14. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho 100% người lao động thuộc đối tượng phải tham gia; tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là mức lương, phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác đã xác định được mức tiền cụ thể theo hợp đồng lao động; đã nộp đủ tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN đến hết tháng 3/2023.

## **2. Những quy định của pháp luật chưa được chi nhánh thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Chưa mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động có nội dung ghi chưa cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên: mục địa điểm làm việc ghi “các địa điểm khác theo yêu cầu của Ban quản lý dự án lưới điện phân phối Thành phố Hồ Chí Minh”, mục thời giờ nghỉ ngơi ghi “theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực TPHCM”, mục trang bị bảo hộ lao động ghi “người lao động được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ EVN/EVNHCMC” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019 và Chương II Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.3. Phân loại để tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động chưa đúng nhóm theo quy định tại Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (03 giám sát thi công là đối tượng huấn luyện nhóm 3 nhưng tổ chức huấn luyện theo đối tượng nhóm 4).

2.4. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm còn thiếu nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Luật An toàn, vệ sinh lao động (thiếu biện pháp kỹ thuật an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ; biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động).

2.5. Chưa thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.6. Hồ sơ huấn luyện tại chi nhánh không lưu chương trình huấn luyện chi tiết theo quy định tại Khoản 7 Điều 45 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

**IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng:** không.

## **V. Kiến nghị các biện pháp xử lý**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu chi nhánh khắc phục các vi phạm nêu tại phần 2, mục III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra và báo cáo bằng văn bản



kết quả thực hiện các kiến nghị (kèm các tài liệu chứng minh) về Thanh tra E-  
Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn  
Kiếm, thành phố Hà Nội. /.

Nơi nhận: *b*

- Chi nhánh (đề t/h);
- Tổng công ty (đề chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**CHÁNH THANH TRA**



*Nguyễn Tiến Tùng*  
**Nguyễn Tiến Tùng**